TOÀ ÁN NHÂNDÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN VIỆT YÊN	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BẮC GIANG	

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 21/9/2018.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Thanh Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Thi
2. Bà Nguyễn Thị Lại

Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/9/2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 181/2018/TLST-HNGĐ ngày 30/07/2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐST- HNGĐ ngày 07/9/2018, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (Có mặt)

HKTT: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-*Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1973(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

TQ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau ngày 20/01/1997 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Việt Yên.Trước khi cưới hai vợ chồng chị có được tìm hiểu nhau một khoảng thời gian ngắn. Sau khi tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương, chị về làm dâu gia đình anh N ngay và sống chung cùng với bố mẹ anh N. Cuộc sống vợ chồng chị hạnh phúc được khoảng 2 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không chung quan điểm sống nên có nhiều bất đồng.

Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2003 rồi đi xuất khẩu lao động từ năm 2007 đến năm 2017 chị về nước nhưng không về Trung Đồng mà về Vân Cốc 2 ở nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng chị sống ly thân đến nay đã được 15 năm, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/8/1999 và cháu Nguyễn Việt H sinh ngày 24/2/2004. Cháu T hiện đã trưởng thành còn cháu H hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu H còn cháu T đã trưởng thành, ở với ai là do cháu quyết định. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn có trong hồ sơ - Anh NguyễnVăn N trình bầy như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau ngày 25/12/1997 âm lịch trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vân Trung.Trước khi cưới, vợ chồng anh có được tìm hiểu khoảng thời gian mấy tháng rồi tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Sau khi cưới chị H về làm dâu gia đình nhà anh ngay và vợ chồng sống chung cùng với bố mẹ anh tại thôn Trung Đồng, xã Vân Trung. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc từ khi kết hôn đến khi chị H đi lao động tại Đài Loan năm 2006 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn hơn còn trước đó vợ chồng đã mâu thuẫn và chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở rồi mới đi Đài Loan lao động. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng quan điểm sống không hợp nhau nên vợ chồng xảy ra xô xát và chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở.Vợ chồng sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay, không ai còn quan tâm tới ai. Nay anh xác định vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn nên chị H xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.Vì điều kiện sức khỏe nên anh xin được vắng mặt khi Tòa án mở phiên họp, hòa giải, xét xử anh xin được vắng mặt.

Về con chung:Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/8/1999 và cháu Nguyễn Việt Hsinh ngày 24/2/2004. Hiện nay, cháu T đã trưởng thành và đang đi N vụ quân sự, còn cháu H hiện đang ở cùng chị H từ hè 2017 đến nay. Nay vợ chồng ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi cháu H thì anh hoàn toàn nhất trí. Còn cháu T đã lớn và trưởng thành, ở với ai là quyền của cháu. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Anh N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do sức khỏe, anh không thể lên Tòa làm việc được nên anh đề nghị Tòa án mở phiên họp, hòa giải, xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình với anh N, chị xin ly hôn anh N. Về con chung, chị có nguyện vọng được nuôi con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Việt H sinh ngày 24/2/2004 và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác không có chị không có yêu cầu gì.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Việt H sinh ngày 24/02/2004. Cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Việc khởi kiện của chị Nguyễn Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ vợ chồng: Chị H và anh N đều trình bày trong hồ sơ anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 20/01/1997 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Chị H cũng đã cung cấp được trích lục đăng ký kết hôn. Như vậy hôn nhân của chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bản thân chị H và anh N đều xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị H xin ly hôn, anh N đồng ý ly hôn tuy nhiên vì lý do sức khỏe nên anh có có mặt tại phiên tòa được mà xin xét xử vắng mặt.Việc đồng ý ly hôn của anh N là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc gì. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3]Về con chung: Vợ chồng chị H, anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/8/1999 và cháu Nguyễn Việt Hsinh ngày 24/2/2004. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, ở với ai là do cháu quyết định chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu H đang ở cùng chị H và phát triển bình thường, chị H anh N đều đồng ý để chị H trực tiếp nuôi cháu H nên cần chấp nhận việc thỏa thuận của chị H, anh N. Giao cháu Nguyễn Việt H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị H anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[4]Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị H, anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]Anh N có đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt vì có lý do chính đáng nên cần xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[6]Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Việt Hsinh ngày 24/02/2004. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số AA/2012/05077 ngày 30/07/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị H đã nộp đủ án phí DSST.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho các đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-TAND T. Bắc Giang;
-VKSND H. Việt Yên;
-Chi cục THADS H. Việt Yên;
-Đương sự;
-UBND xã V.
-Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên